

LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

Giảng viên: TS. Lê Ngọc Thông

BÀI 5

CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA TƯ DUY LOGIC HÌNH THỨC

Giảng viên: TS. Lê Ngọc Thông

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Về kiến thức:
 - Giúp cho sinh viên xác định được khái niệm về quy luật, quy luật tư duy.
 - Trình bày được cơ sở hình thành, nội dung, cách vận dụng từng quy luật của logic hình thức.
- Về kỹ năng: Vận dụng những hiểu biết về quy luật logic vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng theo quan điểm khoa học.
- Về thái độ: Hình thành và rèn luyện ở sinh viên thái độ
 - Hứng thú với việc quan sát các biểu hiện và đánh giá tư duy.
 - Quan tâm tới việc vận dụng những hiểu biết về quy luật vào việc học tập, rèn luyện và ứng xử.



CÁC KIẾN THỨC CẦN CÓ

- Xã hội học đại cương;
- Tâm lí học đại cương;
- Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.



HƯỚNG DẪN HỌC

- Xem bài giảng đầy đủ và tóm tắt những nội dung chính của từng bài.
- Tích cực thảo luận trên diễn đàn và đặt câu hỏi ngay nếu có thắc mắc.
- Làm các bài tập và luyện thi trắc nghiệm theo yêu cầu từng bài.



5.1

Định nghĩa về quy luật logic

5.2

Các quy luật tư duy logic

5.1. ĐỊNH NGHĨA VỀ QUY LUẬT LOGIC

5.1.1. Tư duy logic

5.1.2. Hình thức của tư tưởng và quy luật của tư duy

5.1.3. Quy luật cơ bản của tư duy

5.1.4. Định nghĩa quy luật logic

5.1.1. TƯ DUY LOGIC

- Tư duy logic là tư duy là sự suy nghĩ hợp lí → yêu cầu với logic hình thức cần:
 - Vạch ra các quy luật, quy tắc logic, hình thức tư duy, kết cấu logic tư tưởng...
 - Xây dựng phương pháp hình thức hóa...
 - Làm sáng tỏ bản chất của tư duy logic - quá trình vận động tư tưởng tuân theo các quy luật logic, để suy nghĩ được chính xác, nhất quán, phi mâu thuẫn và có căn cứ...
- Tư duy logic là tư duy là sự suy nghĩ đạt được chân lí → yêu cầu với logic biện chứng cần:
 - Vạch ra các quy luật, nguyên tắc biện chứng, hình thức, nội dung của tư tưởng...
 - Xây dựng phương pháp biện chứng...
 - Làm sáng tỏ bản chất của tư duy biện chứng - quá trình vận động tư tưởng tuân theo các quy luật biện chứng, để suy nghĩ được khách quan, toàn diện, lịch sử – cụ thể...

5.1.1. TƯ DUY LOGIC

- Hệ thống kết quả → yêu cầu với tư duy logic:
 - Vừa mang tính logic, vừa mang tính biện chứng.
 - Tư duy biện chứng (tư duy vươn tới chân lí) phải bao hàm trong mình tư duy logic (tư duy hợp lí).
 - Logic biện chứng đối lập nhưng không loại trừ logic hình thức.
 - Khi xây dựng các tư tưởng, để phản ánh đối tượng đúng im tương đối trong hiện thực, tư duy logic chủ yếu tác động lên các kết cấu logic của tư tưởng sao cho suy nghĩ xảy ra một cách hợp lí mà không quan tâm đến nội dung của nó.

5.1.2. HÌNH THỨC CỦA TƯ TƯỞNG VÀ QUY LUẬT CỦA TƯ DUY

- Logic hình thức quan tâm đến hình thức của tư tưởng. Đó là cấu trúc, phương pháp liên kết, thứ tự sắp xếp các thành phần khác nhau của tư tưởng.

(1). Con người phải chết

Socrate là người

Socrate phải chết

(2). Sinh viên là những người rất sáng tạo

Quang là sinh viên

Quang là người rất sáng tạo

S là P

X là S

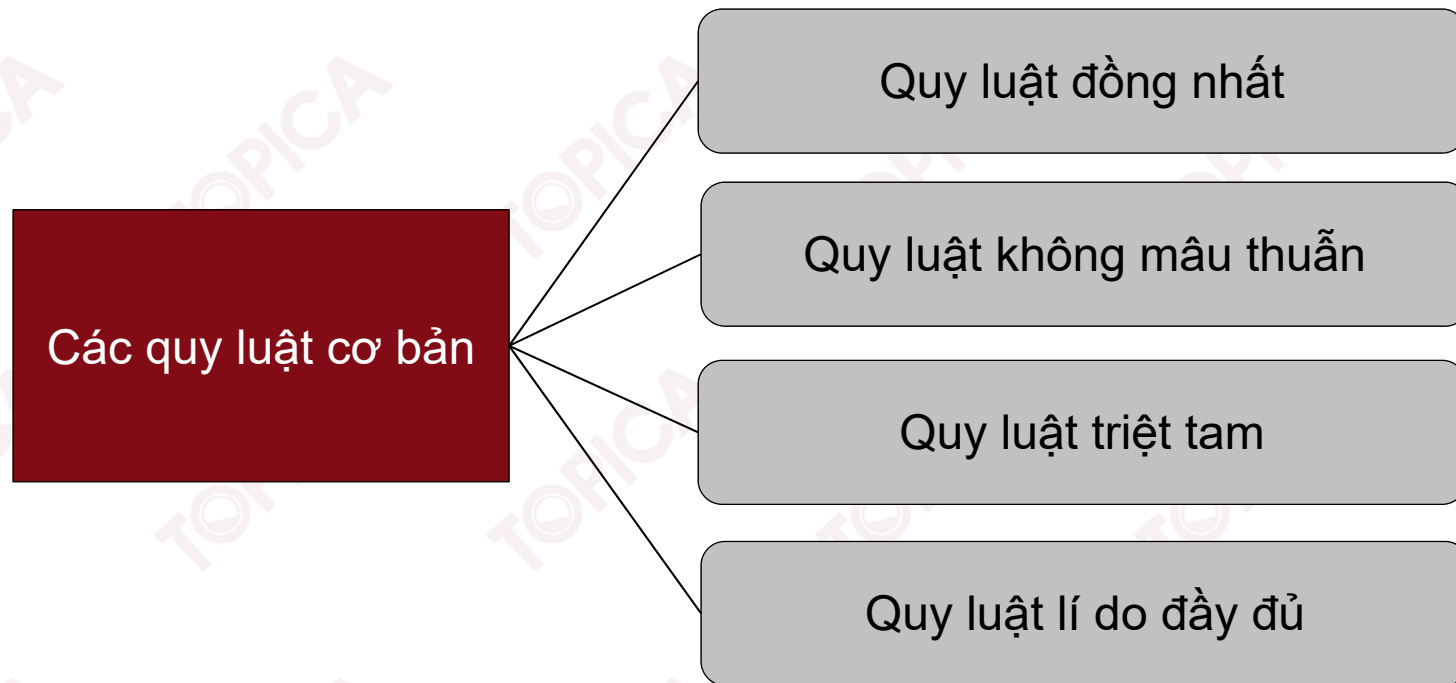
X là P

Hình thức của tư tưởng hay của một suy luận là cái thu được khi lược bỏ những nội dung cụ thể của tư tưởng hay suy luận đó.

- Quy luật của tư duy là những mối liên hệ phổ biến, bên trong, bản chất, lặp đi lặp lại của các tư tưởng trong quá trình tư duy.
 - Khi xét các mối liên hệ như vậy trong quá trình tư duy nếu bỏ qua nội dung cụ thể của nó thì ta được quy luật hình thức.
 - Bản chất quy luật tư duy là sự phản ánh các quy luật của hiện tượng khách quan vào tư duy.

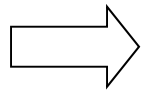
5.1.3. QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA TƯ DUY

- Trong số các quy luật của tư duy có bốn quy luật cơ bản:
 - Phản ánh những tính chất cơ bản nhất của các quá trình tư duy (tính xác định, không mâu thuẫn, nhất quán, có căn cứ của tư duy);
 - Chi phối mọi quá trình tư duy;
 - Các quy luật khác có thể rút ra được từ đó, nhưng không thể rút ra chúng từ các quy luật khác.



5.1.4. ĐỊNH NGHĨA QUY LUẬT LOGIC

- Quy luật logic là những mối liên hệ bản chất, tất nhiên, phổ biến, ổn định giữa các hình thức logic của tư tưởng được hình thành trong quá trình phản ánh thế giới khách quan.



Kết quả của hoạt động nhận thức.

Không mang tính bản năng.

Phản ánh trạng thái ổn định tương đối của sự vật.

Làm cơ sở cho các thao tác tư duy chính xác.

(http://triethoc.edu.vn/vi/chuyen-de-triet-hoc/phan-khoa-triet-hoc/logic-hoc/cac-quy-luat-co-ban-cua-tu-duy_234.html)

5.2. CÁC QUY LUẬT LOGIC

5.2.1. Quy luật đồng nhất

5.2.2. Quy luật không mâu thuẫn

5.2.3. Quy luật triệt tam
(bài trừ cái thứ ba)

5.2.4. Quy luật lí do đầy đủ

5.2.1. QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT

- Nội dung: Một tư tưởng, khi đã định hình, phải luôn là chính nó trong một quá trình tư duy

$$A = A$$

- Căn cứ của quy luật phản ánh tính ổn định, xác định của tư duy:
 - Trong quá trình hình thành, một tư tưởng (khái niệm, phán đoán, lí thuyết, giả thuyết...) có thể thay đổi, nhưng khi đã hình thành xong thì không được thay đổi nữa.
 - Nếu tiếp tục thay đổi thì logic hình thức coi nó là tư tưởng khác.
 - Tính ổn định là điều kiện cần cho mọi quá trình tư duy.
 - Tuyệt đối hóa mặt biến đổi của tư tưởng thì không thể tư duy.
 - Một ý kiến phải có nội dung không đổi ít nhất là trong cùng một quá trình tranh luận, trình bày ý kiến, chứng minh quan điểm... (một quá trình tư duy), thì mới có thể căn cứ vào nó để xét đoán đúng sai, hợp lí hay bất hợp lí...

5.2.1. QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT (tiếp theo)

- Yêu cầu của quy luật → Tư tưởng được sáng tỏ: phạm vi, điều kiện trong một quá trình tư duy.
 - Yêu cầu 1:
 - Một từ chỉ được dùng trong suy luận với một nghĩa duy nhất, một khái niệm, một tư tưởng... không được thay đổi nội dung.
 - Nếu một tư tưởng xuất hiện nhiều lần trong một quá trình tư duy thì tất cả những lần xuất hiện đó nó phải có cùng một nội dung, một giá trị chân lí.
 - Từ ngữ, tư tưởng được dùng với một nghĩa, một nội dung một giá trị chân lí duy nhất.
 - Vi phạm yêu cầu này, tư duy sẽ không nhất quán, lẫn lộn và người khác sẽ không hiểu.
 - Yêu cầu 2:
 - Những từ ngữ khác nhau có cùng nội dung, những tư tưởng tương đương về mặt logic, có cùng giá trị chân lí, phải được đồng nhất với nhau trong quá trình suy luận.
 - Vi phạm yêu cầu này, không rút ra được thông tin cần thiết.
Ví dụ: Tác giả Truyện Kiều là người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, và cần biết quê quán của nhà thơ Nguyễn Du. Nếu ta không đồng nhất nhà thơ Nguyễn Du với tác giả Truyện Kiều thì không thể suy luận để biết được.

5.2.1. QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT (tiếp theo)

➤ Yêu cầu 3:

- Phạm vi ứng dụng phải được cụ thể hóa. Đồng nhất những cái gì và không đồng nhất những cái gì là dựa vào sự hiểu biết, dựa vào trình độ văn hóa của chủ thể tư duy, và dựa vào bối cảnh tư duy. Bởi vì, xét cho cùng, quy luật này đòi hỏi phải đồng nhất những thứ không đồng nhất.

- Các loại đồng nhất khác nhau:

Đồng nhất tư tưởng với tư tưởng (1);

Đồng nhất tư tưởng với đối tượng trong hiện thực (2);

Đồng nhất đối tượng trong hiện thực với đối tượng trong hiện thực (3).

→ (1) là cơ sở cho (3). Điều này làm cho phạm vi ứng dụng của quy luật này được mở rộng hơn nhiều.

5.2.1. QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT (tiếp theo)

➤ Yêu cầu 4:

- Không được nhầm lẫn quy đồng nhất của tư duy hình thức với quy luật hiện tượng khách quan.
- Quy luật đồng nhất không phủ định nguyên lí sự vật hiện tượng luôn luôn vận động, biến đổi.
- Tư duy hình thức phản ánh hiện tượng khách quan trong sự đứng im tương đối, trong sự tách rời. Một hiện tượng khách quan được tư duy phản ánh từ nhiều góc độ, tạo nên nhiều đối tượng trong tư duy. Nếu hai sự vật A và B có chung một tính chất thì tư duy có thể phản ánh tính chất chung đó tạo thành hai đối tượng khác nhau nhưng được đồng nhất trong dù chúng không hoàn toàn giống nhau (trong một mối quan hệ nhất định).

➤ Yêu cầu 5:

- Nghiêm cấm nguy hiểm: Cố tình đánh tráo khái niệm, đánh tráo đối tượng để phục vụ cho ý đồ sai trái, hoặc do thiếu hiểu biết, nắm không đầy đủ nội hàm và ngoại diên của các khái niệm, các thuật ngữ, kí hiệu chuyên môn...
→ Trong các văn bản, trong ngành khoa học cần phải định nghĩa, chú thích rõ ràng tất cả các khái niệm, các thuật ngữ, các kí hiệu riêng.

5.2.1. QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT (tiếp theo)

- Những vi phạm quy luật:
 - Sử dụng từ đồng âm, từ nhiều nghĩa (đánh tráo khái niệm):
Vật chất tồn tại vĩnh viễn.
Ví dụ: Bánh mì là **vật chất** → Bánh mì tồn tại vĩnh viễn.
 - Đồng nhất hóa các tư tưởng khác nhau (đánh tráo nghĩa của tư tưởng):
Cái anh **không mất** tức là cái anh có.
Ví dụ: Anh **không mất** sừng → Vậy là anh có sừng.
 - Khác biệt hóa tư tưởng (trong dịch thuật, triển khai văn bản...).
- Ý nghĩa của quy luật
 - Đảm bảo cho tư duy mạch lạc, rõ ràng, chính xác;
 - Tránh rơi vào tự mâu thuẫn, luẩn quẩn;
 - Tránh bế tắc trong tư duy.
- Kết luận: Quy luật đồng nhất là quy luật vô cùng quan trọng của logic hình thức. Nếu như các quy luật khác có thể đúng trong một số hệ logic hình thức và không đúng trong một số hệ logic hình thức khác thì cho đến nay chưa ai xây dựng được hệ logic hình thức nào có giá trị mà trong đó quy luật đồng nhất không đúng.

5.2.2. QUY LUẬT KHÔNG MÂU THUẦN

- Nội dung: Hai phán đoán mâu thuẫn nhau, trái ngược nhau thì không thể cùng đúng. Trong đó có ít nhất một phán đoán sai.

$$\neg(A \wedge \neg A).$$

- Căn cứ của quy luật phản ánh tính không mâu thuẫn của tư duy
 - Tư duy phản ánh hiện tượng khách quan ở mỗi thời điểm không thể có trường hợp một đối tượng vừa có, lại vừa không có một tính chất nào đó.
 - Mâu thuẫn ở đây là mâu thuẫn hình thức, không phải là mâu thuẫn biện chứng. Mâu thuẫn hình thức không thể có được vì logic hình thức nghiên cứu tư duy với tư cách là sự phản ánh các sự vật và hiện tượng của hiện thực khách quan trong sự đứng im, tách rời.

5.2.2. QUY LUẬT KHÔNG MÂU THUÃN (tiếp theo)

- Yêu cầu của quy luật → tư tưởng được đúng đắn: Phạm vi, điều kiện trong một quá trình tư duy
 - Yêu cầu 1: Quá trình tư duy không được chứa mâu thuẫn trực tiếp không được cùng một lúc vừa khẳng định vừa phủ định một điều gì đó.
 - Yêu cầu 2:
 - Quá trình tư duy không được chứa mâu thuẫn gián tiếp (giữa tư tưởng và hệ quả của tư tưởng).
 - Khẳng định (hay phủ định) một vấn đề >< phủ định (hay khẳng định) các hệ quả của vấn đề.
 - Nếu khẳng định rằng lí thuyết tương đối hẹp của Einstein là đúng thì không thể phủ nhận công thức $E = mc^2$.
 - Yêu cầu 3:
 - Rèn luyện tư duy nhiều để nâng cao được khả năng phát hiện mâu thuẫn trong các suy luận của bản thân và của người khác.
 - Khi phát hiện thấy những cái không ổn trong suy luận – khả năng chứa mâu thuẫn gián tiếp cần đặt liên tiếp các câu hỏi để người suy luận trả lời và chỉ ra mâu thuẫn trực tiếp.

5.2.2. QUY LUẬT KHÔNG MÂU THUÃN (tiếp theo)

- Các trường hợp sau không vi phạm quy luật phi mâu thuẫn:
 - Khẳng định dấu hiệu đồng thời phủ định dấu hiệu khác ở đối tượng ấy;
 - Hai phán đoán ở hai đối tượng;
 - Khẳng định và phủ định thuộc tính của đối tượng ở hai thời điểm;
 - Đối tượng của tư tưởng được xét trong quan hệ khác nhau.
- Ý nghĩa của quy luật phi mâu thuẫn:
 - Giúp tránh mâu thuẫn trong tư duy, đảm bảo tính chặt chẽ, mạch lạc của tư tưởng, sử dụng quy luật này để chứng minh, bác bỏ luận đề nào đó bằng phương pháp chứng minh phản chứng.
 - Tôn trọng quy luật phi mâu thuẫn là điều kiện cần để tránh mâu thuẫn trong tư duy.
 - Lênin chỉ ra rằng “tính mâu thuẫn logic” - tất nhiên, trong điều kiện tư duy logic đúng đắn – không được tồn tại cả trong việc phân tích kinh tế và trong việc phân tích chính trị.

5.2.3. QUY LUẬT TRIỆT TAM (BÀI TRỪ CÁI THỨ 3)

- Nội dung: Một phán đoán, nhận định hoặc đúng hoặc sai chứ không thể có một giá trị thứ ba nào khác.

$$\neg(A \vee \neg A)$$

- Quy luật bài trừ cái thứ 3 xuất phát từ:
 - Bản chất của quá trình tư duy logic;
 - Bản thân của đối tượng được phản ánh;
 - Phương cách gián tiếp giữa đối tượng và chủ thể tư duy.
- Yêu cầu của quy luật
 - Yêu cầu 1:
 - Luật bài trung yêu cầu mọi người không được né tránh sự thừa nhận tính chân thực của một trong hai phán đoán có quan hệ phủ định nhau, không được tìm kiếm một phán đoán thứ ba nào khác.
 - Từ đó cho thấy, đối với một vấn đề cụ thể, một tư tưởng cụ thể thì chỉ có thể đúng hoặc sai chứ không thể vừa đúng vừa sai hoặc không đúng cũng không sai.

5.2.3. QUY LUẬT TRIỆT TAM (BÀI TRỪ CÁI THỨ 3)

- Yêu cầu 2: Quy luật triệt tam không cho phép người ta tránh né vấn đề khi trả lời câu hỏi. Nó không cho phép trả lời lấp lửng, nước đôi, mà đòi hỏi câu trả lời dứt khoát.
Ví dụ: Một thanh niên đi kiếm việc làm được hỏi có biết ngoại ngữ hay không thì anh ta chỉ có thể trả lời “có” hoặc “không”, tất cả các câu trả lời khác đều không có giá trị.
- Yêu cầu 3:
 - Không được đồng nhất quy luật triệt tam với hệ quả của hai quy luật đồng nhất và quy luật không mâu thuẫn (quy luật bài trừ cái thứ 3 đúng trong logic 2 giá trị mà thôi).
 - Trong thực tiễn, người ta ứng dụng quy luật triệt tam để chứng minh bằng phản chứng.
- Ý nghĩa của quy luật: Giúp quyết đoán trong tư duy, đảm bảo tính chặt chẽ, mạch lạc của tư tưởng, sử dụng quy luật này để chứng minh, bác bỏ luận đề nào đó bằng phương pháp chứng minh phản chứng.

5.2.4. QUY LUẬT LÍ DO ĐẦY ĐỦ

- Nội dung: Một tri thức, một tư tưởng chỉ được coi là đúng đắn, chân thực khi chúng đã được chứng minh, nghĩa là đã xác định được đầy đủ lí do của nó.
- Căn cứ:
 - Quy luật phản ánh tính có căn cứ, tính được chứng minh của tư duy;
 - Tư duy cấu thành từ một chuỗi các tư tưởng. Những tư tưởng đi trước làm cơ sở cho những tư tưởng đi sau, tư duy mới được coi là chặt chẽ, có logic;
 - Dựa trên quy luật rất cơ bản của tự nhiên là quy luật nhân – quả: Mọi sự vật và hiện tượng đều có nguyên nhân (hiện thực).
- Yêu cầu của quy luật:
 - Yêu cầu 1: Trong thực tế, đòi hỏi làm một việc gì đó hoặc trình bày một vấn đề nào đó theo một trình tự nhất định.
 - Yêu cầu 2: Quy luật này đòi hỏi mỗi tư tưởng, mỗi ý nghĩ chân thực, đúng đắn cần phải được chứng minh, phải có đủ căn cứ
 - Những sự kiện thực tế, có thể là điều đã được khoa học chứng minh và thực tiễn xác nhận.
 - Những chân lí, những lí do logic đã được thực tiễn xác nhận là đúng .

5.2.4. QUY LUẬT LÍ DO ĐẦY ĐỦ

➤ Yêu cầu 3:

- Bất cứ một tư tưởng, phán đoán, lập luận nào được sử dụng làm tiền đề cho một phép suy luận thì bản thân chúng phải có giá trị chắc chắn chân thực.
- Không chỉ tiền đề phải được chứng minh chặt chẽ là chân thực, mà tập hợp các dữ kiện, cơ sở, tiền đề phải đầy đủ.
- Ngăn cấm chúng ta tiếp nhận tri thức một cách vu vơ, thiếu căn cứ.
- Tiếp nhận tri thức bằng lòng tin theo kiểu tôn giao hoặc tiếp nhận tri thức trên cơ sở tin đồn, căn cứ vào dư luận... là vi phạm luật lí do đầy đủ.

➤ Yêu cầu 4:

- Cần tuân thủ để phân biệt tư duy khoa học và tư duy phản khoa học.
- Trong khoa học, các giả thuyết, các luận điểm chưa được chứng minh thì không được sử dụng làm luận cứ trong quá trình chứng minh.

• Kết luận:

- Tuân thủ nghiêm các quy luật cơ bản trình bày trên đây sẽ giúp suy nghĩ và trình bày tư tưởng một cách rõ ràng, chính xác, ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu.
- Ứng dụng các quy luật này, dễ dàng phát hiện các sai lầm trong suy luận của người khác và của chính mình để phản bác, để vạch trần sự nguy hiểm, hoặc để tránh sai lầm.

Trong bài này chúng ta đã nghiên cứu những nội dung chính như sau:

- Định nghĩa về quy luật logic;
- Các quy luật logic: Quy luật đồng nhất, quy luật không mâu thuẫn, quy luật triệt tam, quy luật lí do đầy đủ.

